TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ B	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG	

Bản án số: 14 /2020/DS-ST

Ngày 12 tháng 5 năm 2020

V/V: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường
Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng
Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 8/5 và ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 1 năm 2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2020/TB-TA ngày 03/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-DS ngày 24/4/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số 89, đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Trịnh Thế A - Nhân viên xử lý nợ V Bank AMC

Ông Nguyễn Văn K - Nhân viên xử lý nợ V Bank AMC

Ông Nghiêm Đức V - Trưởng bộ phận xử lý nợ V Bank AMC

Địa chỉ: V Bank Bắc Ninh, số 34, đường L, p N, TP N

Theo văn bản ủy quyền số 987/2020/UQ-VPB ngày 20/3/2020

(Ông K có mặt, ông V, ông A vắng mặt)

**Bị đơn:* Chị Phan Thị Hạnh H, sinh năm 1990

HKTT: Tổ dân phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

Chỗ ở: Số nhà A, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/11/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/4/2018 bà Phan Thị Hạnh H đã ký giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo với Ngân hàng V mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử (Số Hợp đồng theo thứ tự khách hàng vay cá nhân là: Số LD1810201207) ngày đề nghị vay 06/4/2018. Đến ngày 17/4/2018 bà Phan Thị Hạnh H lại tiếp tục đề nghị vay theo: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử (Số Hợp đồng theo thứ tự khách hàng vay cá nhân là: Số 324-P-2210655) tại địa chỉ tầng 1, tòa nhà V, D, C, Hà Nội. Cụ thể như sau:

Hợp đồng số LD 1810201207 ngày 06/4/2018, ngày giải ngân 12/4/2018. Số tiền vay: 85.000.000đồng, thời gian vay: 48 tháng; Lãi suất vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo nội dung chấp thuận cho vay của Ngân hàng là 24%/năm; mục đích vay sử dụng vốn: Vay mua sắm đồ gia đình; hình thức vay: Không tài sản đảm bảo. (tín chấp)

Hợp đồng tín dụng số 324-P-2210655 ngày 17/4/2018 ngày mở tài khoản thẻ 20/4/2018

Số tiền vay: 40.000.000đồng, thời gian vay: 60 tháng; Lãi suất vay trong hạn 29,88%/năm; (quy định tại Quyết định số 134/2016/QĐ/TGĐ) mục đích vay sử dụng vốn: Vay tiêu dùng; hình thức vay: Không tài sản đảm bảo. (tín chấp)

Căn cứ thỏa thuận giữa bà H với Ngân hàng thì lịch trả nợ của bà H phải thanh toán cho Ngân hàng vào ngày 20 hàng tháng số tiền thanh toán theo hình thức niên kim đều từ khi giải ngân cho đến khi kết thúc Hợp đồng. Quy định của Hợp đồng khách hàng phải thanh toán trả góp từng tháng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V Bank, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Theo Hợp đồng số LD 1810201207 tính đến ngày 12/5/2018 bà H mới trả cho Ngân hàng số tiền 3.038.380đồng trong đó có 43đồng tiền gốc và lãi 3.018.918đồng. Bà H còn nợ 84.999.957đồng nợ gốc; Nợ lãi 60.289.530đồng và phạt chậm trả lãi: 6.286.125đồng. Tổng cộng: 151.557.612đồng.

Theo Hợp đồng số 324-P-2210655 tính đến ngày 07/6/2018 bà H mới trả được 120.000đồng tiền gốc. Bà H còn nợ gốc 39.880.000đồng; nợ lãi 41.498.696đồng, (không có lãi phạt) tổng cộng: 81.378.696đồng

Tổng cộng cả hai mã vay bà Phan Thị Hạnh H còn nợ Ngân hàng V tính đến ngày 08/5/2020 là: 232.936.308đồng

Đề nghị Tòa án ND thành phố B xem xét buộc bà Phan Thị Hạnh H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 323.936.308đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền

nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt chậm trả tính trên số tiền lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng đã ký đến khi bà H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Việc vay nợ của bà H không liên quan gì đến chồng bà H

Chị Phan Thị Hạnh H vắng mặt tại phiên tòa.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo thụ lý vụ án cho chị H biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, hết thời hạn giao nộp tài liệu chứng cứ theo thông báo thụ lý vụ án chị H không có ý kiến gì. Tòa án ra Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu chị H cung cấp tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, chị H đã nhận được nhưng cũng không cung cấp. Tòa án mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần chị H không đến làm việc và không hợp tác. Do vậy, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc bà Phan Thị Hạnh H phải trả Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 08/5/2020 theo Hợp đồng số LD 1810201207 tổng số tiền 151.557.612đồng (Trong đó nợ gốc: 84.999.957đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn trên nợ gốc chậm trả bằng 150% mức lãi theo hợp đồng đã ký là 60.289.530đồng, lãi phạt 6.286.125đồng) Hợp đồng số 324-P-2210655 tổng số tiền 81.378.696đồng (Trong đó nợ gốc 39.880.000đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn trên nợ gốc chậm trả bằng 150% mức lãi theo hợp đồng đã ký là 41.498.696đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc,lãi phạt chậm trả lãi từ sau ngày xét xử theo theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V

Buộc bà Phan Thị Hạnh H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án tại phiên toà.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Hạnh H làm việc tại nhà máy chịu lửa Kiềm tính Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hoàng Thạch có vay tiền Ngân hàng mục đích vay tiêu dùng. Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hai bên không tự giải quyết được tranh chấp nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B. Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP V với bà H là tranh chấp dân sự về hợp đồng

tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn - Bà Phan Thị Hạnh H cư trú trên địa bàn thành phố B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phan Thị Hạnh H trả nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD 1810201207 và Hợp đồng tín dụng số 324-P-2210655 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V

- Về số nợ gốc: Bà Phan Thị Hạnh H đề nghị vay theo 02 hợp đồng với tổng số tiền là 125.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP V chấp thuận cho bà H vay và đã giải ngân số tiền trên thông qua hình thức rút tiền mặt tại Ngân hàng và qua thẻ tín dụng Ngân hàng. Do vậy, xác định bà H đã được giải ngân đủ số tiền 125.000.000 đồng. Tính đến ngày 12/5/2018 bà H mới trả theo Hợp đồng số LD 1810201207 được 43đồng tiền gốc và tính đến ngày 07/6/2018 bà H mới trả theo Hợp đồng tín dụng số 324-P-2210655 được 120.000đồng, do vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh. Ngân hàng yêu cầu đòi gốc tổng hai Hợp đồng 124.879.957đồng là có căn cứ.

- Về số nợ lãi:

Bà Phan Thị Hạnh H đã được Ngân hàng thông báo về lãi suất cho vay theo Hợp đồng, đã thực hiện trả lãi của hợp đồng số LD 1810201207 là 3.018.918đồng. Từ ngày 12/5/2018 bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi nên toàn bộ khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Theo Hợp đồng tín dụng số LD 1810201207 thì lãi suất thực hiện theo nội dung chấp thuận cho vay của Ngân hàng quy định là 24%/năm, lãi suất được thay đổi 3 tháng 1 lần, lãi suất điều cỉnh bằng lãi suất bán vốn công biên độ giao động là 16%/năm. Hợp đồng tín dụng số 324-P-2210655 có ghi rõ lãi suất cho vay là 29,88%/năm, mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Lãi suất quá hạn theo Hợp đồng được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc áp dụng lãi suất trong hạn là 150%, đối với khoản vay của bà H là hoàn toàn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định của Ngân hàng TMCP V. Các khoản vay tín chấp không tài sản bảo đảm, rủi ro lớn nên lãi suất cho vay cao hơn các khoản vay có tài sản bảo đảm. Do vậy đối với yêu cầu trả lãi suất của Ngân hàng trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi phạt là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị Hạnh H phải trả Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 232.936.308đồng theo hai hợp đồng đã ký cụ thể:

Hợp đồng số LD 1810201207 tổng số tiền 151.557.612đồng (Trong đó nợ gốc: 84.999.957đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn trên nợ gốc chậm trả bằng 150% mức lãi theo hợp đồng đã ký là 60.289.530đồng, lãi phạt 6.286.125đồng) tính đến hết ngày 08/5/2020.

Hợp đồng số 324-P-2210655 tổng số tiền 81.378.696đồng (Trong đó nợ gốc 39.880.000đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn trên nợ gốc chậm trả bằng 150% mức lãi theo hợp đồng đã ký là 41.498.696đồng) tính đến hết ngày 08/5/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Hạnh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được chấp nhận nên bà Phan Thị Hạnh H phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Buộc bà Phan Thị Hạnh H phải trả Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 232.936.308đồng theo hai hợp đồng đã ký cụ thể:

Hợp đồng số LD 1810201207 ngày 06/4/2018 tổng số tiền 151.557.612đồng (Trong đó nợ gốc: 84.999.957đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn trên nợ gốc chậm trả bằng 150% mức lãi theo hợp đồng đã ký là 60.289.530đồng, lãi phạt 6.286.125đồng) tính đến hết ngày 08/5/2020.

Hợp đồng số 324-P-2210655 ngày 17/4/2018 tổng số tiền 81.378.696đồng (Trong đó nợ gốc 39.880.000đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn trên nợ gốc chậm trả bằng 150% mức lãi theo hợp đồng đã ký là 41.498.696đồng) tính đến hết ngày 08/5/2020.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Hạnh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: bà Phan Thị Hạnh H phải chịu 11.646.800đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.177.000

đồng theo biên lai số AA/2016/0000825 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hải Hường